

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2022/LĐ-ST
Ngày: 22 - 3 - 2022
V/V tranh chấp về bồi thường
chi phí đào tạo và bồi thường
do đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Sơn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám.

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 17, 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST- LĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp về bồi thường chi phí đào tạo và bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- LĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn V;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông A – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc;

Ông Võ Mạnh C, sinh năm 1999; địa chỉ: số M, phường N, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V “Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2022”. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V: Ông **Trần Anh N** - Luật sư của Công ty Luật TNHH một thành viên N thuộc Đoàn luật sư T; địa chỉ: Số A, đường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Minh S, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2019, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V người đại diện theo ủy*

quyền ông Võ Mạnh C trình bày: Ngày 03/01/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Công ty) và ông Lê Minh S có ký hợp đồng lao động số HĐLĐLC2019-01, thời hạn của hợp đồng lao động là 01 năm. Trước khi ký hợp đồng lao động nêu trên, ngày 16/10/2017 Công ty ký thỏa thuận cử ông S đi đào tạo tại Q, thời gian từ ngày 01/3/2018 đến ngày 25/8/2018 với mức lương là 10.000.000 đồng/tháng. Sau đó, ngày 13/9/2018 Công ty ký với ông S thỏa thuận đào tạo tại Q lần thứ 2 thời gian từ ngày 21/10/2018 đến ngày 16/12/2018 với mức lương là 11.000.000 đồng/tháng. Trong các thỏa thuận cử nhân viên đi đào tạo mà Công ty đã ký kết với ông S vào ngày 16/10/2017 và ngày 13/9/2018 ông S đều cam kết rằng sẽ quay trở lại làm việc cho Công ty với thời gian ít nhất 02 năm kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo trở về. Nếu bên ông S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc khi hợp đồng lao động giữa bên Công ty với bên ông S hết hạn, nhưng bên ông S muốn ký tiếp hợp đồng lao động với bên Công ty, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của thỏa thuận cử nhân viên đi đào tạo, bên ông S phải bồi thường cho bên Công ty toàn bộ chi phí đào tạo mà bên Công ty đã trả cho bên ông S trong quá trình đào tạo. Trong trường hợp hết thời gian thử việc, bên ông S không đạt yêu cầu mà bên Công ty đã đặt ra và bị bên Công ty từ chối nhận vào làm việc, bên ông S không phải bồi thường chi phí đào tạo cho bên Công ty. Sau khi đào tạo từ Q về Việt Nam, ông S đã ký hợp đồng thử việc số LCVN11/HDTV ngày 03/12/2018 và sau đó ký hợp đồng lao động số HĐLĐLC2019-01 ngày 03/01/2019 với Công ty và ông S đã đến Công ty làm việc bình thường theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên đến ngày 12/02/2019, ông S tự ý bỏ việc không có lý do, Công ty đã liên lạc với ông S nhiều lần nhưng không được. Trước đây khi làm đơn khởi kiện phía nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V yêu cầu ông Lê Minh S phải bồi thường cho Công ty TNHH V 01 tháng tiền lương là 6.013.000 đồng, do ông S tự ý bỏ việc nên đã vi phạm thời hạn báo trước cho Công ty khi nghỉ việc và yêu cầu ông S phải bồi thường toàn bộ chi phí đào tạo cho Công ty TNHH V số tiền là: 232.700.000 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH V yêu cầu ông Lê Minh S bồi thường là 238.713.000 đồng. Nay Công ty chỉ yêu cầu bị đơn ông Lê Minh S phải bồi thường cho Công ty TNHH V 01 tháng tiền lương là 6.013.000 đồng, do ông Lê Minh S tự ý bỏ việc nên đã vi phạm thời hạn báo trước cho Công ty khi nghỉ việc và yêu cầu ông S bồi thường cho Công ty TNHH V chi phí đào tạo bao gồm: Vé máy bay đi về đợt 1: 467,75 USD, bảo hiểm 68,4USD, trợ cấp đào tạo: 2.755,76USD, chi phí ăn, ở, sinh hoạt: 1.111,76USD; vé máy bay đi về đợt 2: 577,06USD, trợ cấp đào tạo: 1.103,58USD, chi phí ăn, ở, sinh hoạt: 370,59USD; Tổng cộng là 6.454,90 USD. Tính thành tiền Việt nam là: 6.454,90 USD x 23.000 đồng/USD thành tiền là 148.462.700 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH V yêu cầu ông Lê Minh S bồi thường là 154.475.700.000 đồng. Phía nguyên đơn Công ty TNHH V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Minh S bồi thường cho Công ty TNHH V với số tiền là 84.237.300 đồng.

** Bị đơn ông Lê Minh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ trình bày như sau:* Ông S thống nhất có ký thỏa thuận với Công ty TNHH V (Công ty) về việc đi đào tạo như đại diện Công ty trình bày, ông S có nhận lương như

thỏa thuận và trợ cấp, chi phí ăn, ở, phương tiện sang Q bằng máy bay. Nhưng ông S không đồng ý đối với yêu cầu của Công ty vì ông S nghỉ việc được người quản lý Công ty đồng ý bằng miệng, chủ Công ty có thái độ xúc phạm nhân viên, chậm trả lương cho công nhân và trừ lương nhân viên không có căn cứ, ông được cử đi đào tạo nhưng thực chất như người đi lao động chui ở Q. Ông S cho rằng trong bản thỏa thuận là cử ông đi nước ngoài đào tạo nhưng thực tế khi sang Q ông không được đào tạo gì, mà phải lao động như một công nhân, làm những công việc nặng nhọc trong điều kiện khó khăn, khắc nghiệt, không đảm bảo an toàn lao động. Ngoài ra, Công ty không xây dựng kế hoạch, không đánh giá kết quả sau khi đào tạo, không có báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho Cơ quan Nhà nước theo Điều 60 Bộ luật lao động. Việc tiếp tục ký bản thỏa thuận đi nước ngoài đào tạo (lần thứ hai); hợp đồng thử việc và hợp đồng lao động là do phía Công ty hứa sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho ông nhưng thực tế Công ty không thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn ông Lê Minh S. Xét thấy, bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông S.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về bồi thường chi phí đào tạo và bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Công ty): yêu cầu bị đơn ông Lê Minh S phải bồi thường cho Công ty TNHH V 01 tháng tiền lương là 6.013.000 đồng, do ông Lê Minh S tự ý bỏ việc nên đã vi phạm thời hạn báo trước cho Công ty khi nghỉ việc. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V xác định. Ông S sau khi đào tạo từ Q về Việt Nam, ông S đã ký hợp đồng thử việc số LCVN11/HDTV ngày 03/12/2018 và sau đó ký hợp đồng lao động số HĐLĐLC2019-01 ngày 03/01/2019 với Công ty, thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký, mức lương là 6.013.000 đồng và ông S đã đến Công ty làm việc bình thường theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên đến ngày 12/02/2019, ông S tự ý bỏ việc không có lý do, Công ty đã liên lạc với ông S nhiều lần nhưng không được; phía Công ty không có đồng ý cho ông S nghỉ việc. Đối với bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ cho rằng ông S nghỉ việc được người quản lý Công ty đồng ý bằng miệng, nhưng không được phía Công ty thừa nhận. Hơn nữa, nếu như phía Công ty đồng ý cho ông S nghỉ việc thì phải là người có thẩm quyền trong Công ty cụ thể là người ký hợp đồng lao động với ông S mới có quyền cho ông S nghỉ việc, nên ý kiến của ông S cho rằng ông S nghỉ việc được người quản lý Công ty đồng ý bằng miệng là không có căn cứ để chấp nhận. Do ông S đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động mà không báo trước

cho Công ty trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Bộ luật lao động là trái pháp luật (quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động). Theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Bộ luật lao động là nếu vi phạm quy định về thời hạn báo trước thì phải bồi thường cho người sử dụng lao động một khoản tiền lương tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước. Đối với mức lương của ông S là 6.013.000 đồng/ tháng, tương ứng với thời gian nghỉ việc không báo trước là 30 ngày, nên cần buộc ông Lê Minh S phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V 01 tháng tiền lương là 6.013.000 đồng.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Công ty): yêu cầu ông S bồi thường cho Công ty TNHH V chi phí đào tạo bao gồm: Vé máy bay đi về đợt 1: 467,75 USD, bảo hiểm 68,4USD, trợ cấp đào tạo: 2.755,76USD, chi phí ăn, ở, sinh hoạt: 1.111,76USD; vé máy bay đi về đợt 2: 577,06USD, trợ cấp đào tạo: 1.103,58USD, chi phí ăn, ở, sinh hoạt: 370,59USD; Tổng cộng là 6.454,90 USD. Tính thành tiền Việt nam là: 6.454,90 USD x 23.000 đồng/USD thành tiền là 148.462.700 đồng. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty chỉ cung cấp bản “ Thỏa thuận cử nhân viên đi đào tạo” (kèm theo các hóa đơn vé máy bay, tiền lương) mà không có các hợp đồng như: Hợp đồng lao động, hợp đồng nhận lao động của Công ty mẹ và không có đăng ký với Cơ quan Nhà nước về việc đưa người lao động ra thực tập ở nước ngoài,...Ngoài ra, trong bản thỏa thuận chỉ ghi chung chung, không thể hiện đầy đủ các nội dung như: Địa điểm thực tập; Điều kiện, môi trường thực tập; thời giờ thực tập, thời giờ nghỉ ngơi; An toàn và bảo hộ lao động; Tiền Lương, thu nhập; Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt; Chế độ khám, chữa bệnh; Chế độ bảo hiểm xã hội,...Do đó, với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: việc Công ty đưa ông S đi đào tạo tại nước ngoài là vi phạm khoản 7 Điều 7 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Do đó, “Bản thỏa thuận cử nhân viên đi đào tạo” ký kết ngày 16/10/2017 và ngày 13/9/2018 không có giá trị pháp lý. Ông S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ cho rằng trong bản thỏa thuận là cử ông đi nước ngoài đào tạo nhưng thực tế khi sang Q ông không được đào tạo gì, mà phải lao động như một công nhân, làm những công việc nặng nhọc trong điều kiện khó khăn , khắc nghiệt, không đảm bảo an toàn lao động. Ngoài ra, Công ty không xây dựng kế hoạch, không đánh giá kết quả sau khi đào tạo, không có báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho Cơ quan Nhà nước theo Điều 60 Bộ luật lao động. Việc tiếp tục ký bản thỏa thuận đi nước ngoài đào tạo (lần thứ hai); hợp đồng thử việc và hợp đồng lao động là do phía Công ty hứa sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho ông nhưng thực tế Công ty không thực hiện. Phía Công ty xin Visa cho ông S loại M (người đến Q hoạt động thương mại) chứ không phải loại X2 (người đến Q ngắn hạn dưới 180 ngày); Công ty mua bảo hiểm cho ông S là bảo hiểm Du lịch quốc tế chứ không phải bảo hiểm cho việc đào tạo nghề và trả lương lao động cho ông S chứ không phải trả lương đào tạo. Từ những tài liệu, chứng cứ trên cho thấy, Công ty đã không trung thực trong việc thỏa thuận cử ông S đi đào tạo ở Q, phù hợp lời khai

của ông S như phân tích trên. Ngoài ra, sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án số 01/2019/LĐST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy và Bản án lao động phúc thẩm số 05/2020/LĐ-PT ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, cho đến nay phía Công ty trách nhiệm hữu hạn V không có nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, nên yêu cầu của phía nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V yêu cầu ông S bồi thường chi phí đào tạo với số tiền là 148.462.700 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Đối với phía nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Mạnh C; tại phiên tòa hôm nay xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Minh S về việc yêu ông S bồi thường chi phí đào tạo với số tiền là 84.237.300 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V về việc yêu ông S bồi thường chi phí đào tạo với số tiền là 84.237.300 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn V có quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Công ty trách nhiệm hữu hạn V không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V phải chịu án phí lao động sơ thẩm tương ứng phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận đối với số tiền là 148.462.700 đồng; bị đơn ông Lê Minh S phải chịu án phí lao động sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận với số tiền là 6.013.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên Công ty trách nhiệm hữu hạn V phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 4.453.800 đồng, bị đơn ông Lê Minh S phải chịu án phí lao động sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37, 41, 43, 62 Bộ luật lao động; khoản 7 Điều 7 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V có đại diện theo ủy quyền ông Võ Mạnh C.

- Buộc ông Lê Minh S phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V 01 tháng tiền lương với tiền là 6.013.000đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông S chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V về việc yêu cầu ông Lê Minh S bồi thường chi phí đào tạo với số tiền là 148.462.700 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V về việc yêu cầu ông Lê Minh S bồi thường chi phí đào tạo với số tiền là 84.237.300 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn V có quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định

2. Về án phí:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 4.453.800 đồng.

- Buộc ông Lê Minh S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông S đã nộp theo biên lai thu số 0000215 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; nên ông S đã nộp xong án phí

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Lê Minh S thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn

